

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HÒA AN
TỈNH CAO BẰNG
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/HSST
Ngày 28/4/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA AN, TỈNH CAO BẰNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Huy Hoàng
2. Bà Hoàng Thị Bằng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 13/2022/TLST-HS, ngày 07 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 4 năm 2022 đối với:

Bị cáo Triệu Văn Q, tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 18 háng 10 năm 1975 tại thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: phố D, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông Triệu Văn T (đã chết), con bà Nông Thị C, sinh năm 1934; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2012; Anh, chị, em ruột: Bị cáo có bốn anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/3/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hà Minh T, sinh năm 1982; (Vắng mặt có lý do).

Địa chỉ: Phố D, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

2. Chị Từ Thị Phương H, sinh năm 1987; (Vắng mặt có lý do).

Địa chỉ: phố H, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

3. Chị Triệu Thanh B, sinh năm 1980. (Có mặt).

Địa chỉ: xóm B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2020 đến tháng 10/2021, tại nhà riêng Triệu Văn Q có cho một số người vay tiền với hình thức “tín chấp” tức là những người vay có mối quan hệ làm ăn, quen biết với Q, khi vay sẽ không phải cầm cố hoặc thế chấp bằng đồ vật, tài sản. Về lãi suất và thời hạn trả lãi quy định như sau: Người vay tiền sẽ phải trả lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày, không giới hạn thời gian trả lãi và gốc; việc trả tiền có thể bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản đến các số tài khoản 8308205074xxx, 8308383863xxx mở tại ngân hàng Agribank và 33010000494xxx mở tại ngân hàng BIDV của Triệu Văn Q.

Triệu Văn Q đã dùng 100.000.000 đồng để cho nhiều người vay luân phiên, trong đó có 03 người vay với lãi suất cao gồm:

1. Anh Hà Minh T ở phố D, thị trấn N, huyện H vay 01 lần với số tiền là 10.000.000 đồng vào ngày 06/6/2020. Tính đến ngày 08/02/2021 anh T đã trả cho Q 10.000.000 đồng tiền gốc và 12.000.000 đồng tiền lãi, tương đương mức lãi suất 176,6%/năm. Phần tiền lãi vượt mức 20%/năm là 10.641.000 đồng (mức lãi suất tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm).

2. Chị Từ Thị Phương H ở Phố H, thị trấn N, huyện H vay 02 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 25/4/2021 chị H vay 7.000.000 đồng, đến ngày 15/7/2021 đã trả cho Q 7.000.000 đồng tiền gốc và 2.800.000 đồng tiền lãi, tương đương mức lãi suất 178%/năm. Phần tiền lãi vượt mức 20%/năm là 2.485.000 đồng

- Lần 2: Ngày 06/10/2021 chị H vay 8.000.000 đồng, đến ngày 11/11/2021 đã trả cho Q 8.000.000 đồng tiền gốc 1.480.000 đồng tiền lãi, tương đương mức lãi suất 183%/năm. Phần tiền lãi vượt mức 20%/năm là 1.318.000 đồng.

3. Chị Triệu Thanh B ở xóm B, thị trấn N, huyện H vay 05 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 28/4/2021 chị B vay 80.000.000 đồng, đến ngày 21/6/2021 đã trả cho Q 80.000.000 đồng tiền gốc và 22.000.000 đồng tiền lãi, tương đương mức lãi suất 183%/năm. Phần tiền lãi vượt mức 20%/năm là 19.589.000 đồng

- Lần 2: Ngày 14/6/2021 chị B vay 50.000.000 đồng, đến ngày 21/6/2021 đã trả cho Q 50.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi, tương đương mức lãi suất 183%/năm. Phần tiền lãi vượt mức 20%/năm là 1.781.000 đồng

- Lần 3: Ngày 24/8/2021 chị B vay 50.000.000 đồng, đến ngày 28/9/2021 đã trả cho Q 50.000.000 đồng tiền gốc và 8.500.000 đồng tiền lãi, tương đương mức lãi suất 172%/năm. Phần tiền lãi vượt mức 20%/năm là 7.514.000 đồng

- Lần 4: Ngày 08/9/2021 chị B vay 80.000.000 đồng, đến ngày 28/9/2021 đã trả cho Q 80.000.000 đồng tiền gốc và 8.000.000 đồng tiền lãi, tương đương mức lãi suất 173%/năm. Phần tiền lãi vượt mức 20%/năm là 7.079.000 đồng

- Lần 5: Ngày 11/10/2021 chị B vay 50.000.000 đồng, đến ngày 26/10/2021 đã trả cho Q 50.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi, tương đương mức lãi suất 183%/năm. Phần tiền lãi vượt mức 20%/năm là 3.562.000 đồng

Như vậy, qua hoạt động cho vay trên Triệu Văn Q thu được tổng số tiền lãi là 60.780.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt hơn mức quy định (tức là phần tiền thu lợi bất chính) là 53.969.000 đồng (*Năm mươi ba triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng*).

Quá trình điều tra Triệu Văn Q thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản cáo trạng số 15/CT-VKSHA, ngày 05/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Triệu Văn Q về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An giữ nguyên quyết định truy tố như bản Cáo trạng, đưa ra quan điểm đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 54 BLHS. Tuyên bố bị cáo Triệu Văn Q phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo từ 40.000.000đ đến 45.000.000đ ; Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS; Nghị quyết 01/2021/HĐTP ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân tối cao.

* Đề nghị Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với khoản tiền liên quan đến tội phạm gồm:

- Khoản tiền Q dùng để cho vay: 100.000.000 đồng;

- Tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà người phạm tội đã thu của người vay: 6.811.000 đồng;

* Trả lại cho người vay tiền thu lợi bất chính: Chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu bị cáo trả lại tiền lãi vượt nên đề nghị Hội đồng xét xử cần tuyên trả lại cho chị H; Còn anh T vắng mặt tại phiên tòa, chị B có mặt tại phiên tòa không có yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét.

- Đối với các đồ vật mà cơ quan điều tra đã thu thì xử lý như sau:

01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Oppo, loại Reno5, vỏ màu đen; số IMEI 1: 865545054542632, số IMEI 2: 865545054542624, gắn số thuê bao 0974 607 378 và 0376636818, điện thoại cũ đã qua sử dụng: Đây là điện thoại mà bị cáo dùng để liên lạc với khách vay do đó cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về việc xử lý vật chứng và mức hình phạt và nhất trí với Bản luận tội của Viện kiểm sát. Tại lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội danh: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận nội dung bản Cáo trạng phản ánh đúng hành vi phạm tội của mình; lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác như biên bản khám xét; biên bản niêm phong tang vật; các bản tường trình của bị cáo tại quá trình điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ, qua đó khẳng định: Trong thời gian từ tháng 4/2020 đến tháng 10/2021, tại nhà riêng ở phố D, thị trấn N, huyện H, bị cáo đã dùng 100.000.000đ cho 03 khách hàng vay tiền với lãi suất cao bằng hình thức “tín chấp”, lãi suất vay từ 172%/năm – 183%/năm và thu được tổng số lãi là 60.780.000đ, trong đó phần tiền thu lợi bất chính do lãi vượt trên mức cho phép là 53.969.000đ (Năm mươi ba triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Bị cáo trực tiếp thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng đối với anh Hà Minh T, chị Từ Thị Phương H, chị Triệu Thanh B. Lãi suất cho vay của bị cáo là 172%/năm- 183%/năm, phần tiền lãi vượt mức 20%/năm so với mức lãi suất mà Bộ luật dân sự quy định. Trong đó số tiền thu lợi bất chính của bị cáo đối với ba người vay là 53.969.000 đồng. Việc lợi dụng người đi vay đang lâm vào hoàn cảnh khó khăn, thông qua một giao dịch dân sự để buộc họ phải chịu một mức lãi suất cao vượt mức quy định của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý tiền tệ là hành vi trái pháp luật. Do đó, hành vi của bị cáo có đủ cơ sở pháp lý khẳng định đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; tội phạm và hình phạt tội này được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015; Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm cho người vay tiền phải lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đáng thậm chí còn có thể

phải bán tài sản nhà cửa để trả nợ...Ngoài ra, còn mang đến những hậu quả khó lường khác làm ảnh hưởng đến sức khỏe nhân phẩm, danh dự của con người và những thiệt hại khác về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...mà trực tiếp là người đi vay phải chịu lãi suất quá cao có thể dẫn đến khánh kiệt kinh tế gia đình.

Hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước. Mặc dù biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, là gây thiệt hại cho người vay bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng vì động cơ tư lợi mà không phải thông qua lao động chân chính, lợi dụng việc người đi vay tiền đang gặp hoàn cảnh khó khăn cần tiền gấp để giải quyết một số việc trong cuộc sống, những người vay tiền phải chịu mức lãi suất cao. Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, bất chấp hậu quả xảy ra thể hiện ý thức coi thường pháp luật, nên việc xử lý bị cáo bằng biện pháp hình sự là hết sức cần thiết để răn đe phòng ngừa tội phạm chung. Do bị cáo cho vay với mức lãi suất gấp 5 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và số tiền lãi bất chính các bị cáo thu được 53.696.000 đồng. Do vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân huyện Hòa An, Cao Bằng truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 201 quy định: Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 5 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

[3] Khi cân nhắc lượng hình phạt để áp dụng đối với bị cáo cũng cần xem xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đối với bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu biết pháp luật, biết hậu quả tác hại của việc cho vay lãi nặng. Nhưng vì hám lợi, nên đã phạm tội, cố ý thực hiện nhằm mục đích hưởng lợi bất chính. Xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ được thái độ ăn năn hối cải; bị cáo đã khắc phục được hơn một phần hai hậu quả, các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng không có. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tiền để sung vào Ngân sách Nhà nước là phù hợp với tính chất mức độ hành vi của bị cáo. Hội đồng xét xử xem xét áp dụng xử mức dưới khung của khung hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật, thể hiện chính sách nhân đạo của nhà nước. Mặt khác, cũng đủ tính

giáo dục răn đe bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình và có ý thức tu dưỡng trở thành người có ích cho xã hội. Đồng thời cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ..

[5] Về hình phạt bổ sung: Vì đã áp dụng hình phạt chính bằng tiền đối với các bị cáo nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Liên quan đến ba người vay anh T, chị H, chị B, ngoài những khách vay với lãi suất cao như trên thì Triệu Văn Q còn cho những khách vay khác bao gồm: Mã Thị L, Đặng Thị N, Vi Thị T, Nông Thị T, Nguyễn Ngọc G, Nông Thị V, Vương Ngọc L. Tuy nhiên, kết quả xác minh xác định được đây chỉ là những giao dịch dân sự thông thường, vay trong thời gian ngắn và không thu tiền lãi nên cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự của Q với những khoản vay này.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự quy định để xử lý; Nghị quyết 01/2021/HĐTP ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân tối cao.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước các khoản tiền sau:

+ Đối với số tiền bị cáo Q dùng để cho vay 100.000.000đ. Đây là số tiền mà bị cáo dùng để luân phiên cho 03 khách hàng vay nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước là phù hợp với quy định của pháp luật

+ Cần tịch thu sung quỹ nhà nước với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà người phạm tội đã thu của người vay là: 6.811.000đ.

- Đối với: 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Oppo loại Reno 5, vỏ màu đen, số IMEI 1: 865545054542632, số IMEI 2: 865545054542624, gấn số thuê bao: 0974.607.378 và số 0376.636.818, điện thoại cũ đã qua sử dụng. Bị cáo dùng để liên lạc với khách hàng vay do đó cần tịch thu để phát mại sung quỹ nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Triệu Thanh B, anh Hà Minh T vắng mặt tại phiên tòa đều không có yêu cầu bị cáo phải trả số tiền lãi vượt mức 20%, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Còn chị Từ Thị Phương H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm trả lại phần tiền lãi vượt mức 20%/năm, số tiền: 3.803.000đ (*Ba triệu tám trăm linh ba nghìn đồng*). Đây là số tiền lãi vượt mức mà bị cáo do phạm tội có được nên buộc bị cáo phải trả cho chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.,

[9] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Triệu Văn Q phạm tội **“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”**.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 35; Điều 54; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Triệu Văn Q.

2. Xử phạt:

- Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Triệu Văn Q phải nộp số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) sung công quỹ Nhà nước.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự;

Buộc bị cáo Triệu Văn Q phải có trách nhiệm trả lại phần tiền lãi vượt mức 20%/ năm cho Từ Thị Phương H, địa chỉ: phố H, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng số tiền: 3.803.000đ (*Ba triệu tám trăm linh ba nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Từ Thị Phương H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Triệu Văn Q không thi hành khoản tiền bồi thường nêu trên, thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 01/2021/HĐTP ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân tối cao.

- Tịch thu để sung công quỹ nhà nước các khoản tiền sau:

+ Buộc bị cáo Triệu Văn Q phải có trách nhiệm nộp lại số tiền bị cáo dùng để cho vay là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) sung vào quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*) tại biên lai thu số 0003536 ngày 26/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Cao Bằng, nay bị cáo còn phải tiếp tục nộp số tiền còn lại là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

+ Buộc bị cáo Triệu Văn Q phải nộp số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà người phạm tội đã thu của người vay là: 6.811.000đ (*Sáu triệu tám trăm mười một nghìn đồng*).

- Tịch thu, phát mại để sung quỹ nhà nước:

Một phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước phong bì ghi chữ ‘ BỘ CÔNG AN, CÔNG AN TỈNH CAO BẰNG’ và ghi “Điện thoại vụ án Triệu Văn Q cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, mặt sau phong bì có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và đóng 04 dấu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng. Bên trong phong bì có chứa 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Oppo loại Reno 5, vỏ màu đen, số IMEI 1: 865545054542632, số IMEI 2: 865545054542624, gấn số thuê bao: 0974.607.378 và số 0376.636.818, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Xác nhận số vật chứng này hiện nay đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa An theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/4/2022.

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Triệu Văn Q phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) sung công quỹ Nhà nước. Tổng cộng cả hai khoản án phí 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CA huyện;
- Bị cáo;
- Người có QL&NV liên quan;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu hồ sơ THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Dong